

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 30-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - LÀO CAI

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh; Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi công tác: Trường Tiểu học xã B H, tỉnh Lào Cai;
2. Bà Trần Thị Xuân; Nghề nghiệp: Cán bộ; Nơi công tác: Hội đồng nhân dân xã B L, tỉnh Lào Cai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân KHU VỰC X - Lào Cai kiểm sát xét xử tại phiên tòa: Ông Ngô Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. V V D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26/9/2007 tại B H, tỉnh Lào Cai (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 18 ngày);

Nơi cư trú: Thôn B P 1, xã B H, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông V S S sinh năm 1977; con bà S T D sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 16/5/2025; ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D: Ông V S S, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn B P 1, xã B H, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do, là bố của bị cáo - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D: Bà Đỗ Thị Thu Ba - Trợ giúp viên Pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Đ V Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/11/2009 tại xã B H, tỉnh Lào Cai (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 05 tháng 05 ngày);

Nơi cư trú: Thôn N Đ, xã B N, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Đ T Q, sinh năm 1988 (đã chết năm 2024); con bà T T G sinh năm 1990; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi

cư trú - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ: Bà T T G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N Đ, xã B N, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do, là mẹ của bị cáo - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Bà Đỗ Thị Thu Ba - Trợ giúp viên Pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- **Bị hại:**

1. Cháu G V T, sinh ngày 15/01/2010;

Nơi cư trú: Thôn N S, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn N S, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

- *Người đại diện của bị hại G V T:* Ông G S C, sinh năm 1987 (bố đẻ của bị cáo);

Nơi cư trú: Thôn N S, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn N S, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

2. Cháu L L L, sinh ngày 30/01/2010;

Nơi cư trú: Thôn N S, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn N S, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt.

- *Người đại diện của bị hại L L L:* Bà G T D, sinh năm 1954 (bà của bị cáo);

Nơi cư trú: Thôn N S, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn N S, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại G V T và L L L:* Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh T V A, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn N C, xã B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Anh Đ V T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn N C, xã B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: L V H; T V T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/4/2025, G V T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2010 và L L L, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010 cùng trú tại thôn N S, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (nay là xã S C, tỉnh Lào Cai) đi xe máy từ xã N S đến chơi tại khu vực Bãi Đá gần chợ văn hóa trị trấn B H, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B H, tỉnh Lào Cai). Khi T và L đang đứng chơi ở đây thì V V D, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2007, trú tại thôn B P 1, xã B P, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B H, tỉnh Lào Cai) đi đến hỏi T và L ở đâu. T và L trả lời là ở trên S M C. Nghe xong, D dùng tay tát vào mặt T và L mỗi người một phát làm T chảy máu mũi rồi D nói “*Chúng mày có tiền không, cho tao xin năm chục*”. T và L trả lời không có tiền. D dọa “*Đừng để tao căng lên*”. L sợ lấy số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) đưa cho D.

Khoảng 30 phút sau, Đ V Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2009, trú tại thôn N Đ, xã N Đ, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B N, tỉnh Lào Cai) với L V H, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2009, trú tại thôn N C, xã N Đ, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B N, tỉnh Lào Cai) đi xe máy Weve Alpha màu đen của H, do H điều khiển đến. Gặp D, Đ hỏi: *“Hôm trước mày lấy điện thoại của thằng ở phòng trọ bọn tao xong mày trốn đi đâu, sao bây giờ mới thấy”*. D trả lời: *“Tao vừa đi từ trên S xuống”*. Lúc này thấy lạnh do đang mặc áo phông cộc tay mà T thì đang mặc 02 áo ấm nên Đ gọi T đến gần và nói: *“Cho tao mượn áo đi, lạnh quá”*. T trả lời là: *“Không cho được”* thì Đ nói tiếp: *“Chỉ mượn một tý thôi”* và T đưa áo cho Đ. Sau đó, T có hỏi lấy lại áo nhưng Đ không trả mà lên xe máy cùng H bỏ đi. Khi đó D bảo với T và L là biết phòng thuê trọ của Đ nên có thể dẫn T, L đi lấy áo khoác. D điều khiển xe máy của L trở T đến dãy phòng trọ thuộc thôn N H Nùng, xã N H, huyện B H, tỉnh Lào Cai (Nay là xã B H, tỉnh Lào Cai) của hộ gia đình ông Hồ Văn Việt, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố N P N, thị trấn B H, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B H, tỉnh Lào Cai). Tại đó, D chỉ cho T biết phòng trọ của Đ. Theo chỉ dẫn của D, T đi một mình vào một phòng trọ đang mở sẵn cửa. Vào trong phòng T thấy H, Đ và T V T sinh ngày 17 tháng 6 năm 2009, trú tại thôn N K, xã N K, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là xã B L, tỉnh Lào Cai). T có đòi lại áo khoác, nhưng Đ không trả và nói với T: *“Thằng này người ở trên S”*, T hỏi T *“Mày có phải ở trên Si không”*. T trả lời là *“Có”*. T hỏi tiếp *“Có phải ở C C không”* thì T trả lời *“Không”*. T dùng tay phải cầm lấy con dao dựng ở tường giáp đầu giường lên và chỉ mũi dao vào T và hỏi *“Trước tao lên S bị đánh hội đồng, có mày không”*. T trả lời: *“Không phải”* thì T để dao lại lên giường. T tiếp tục đòi Đ chiếc áo khoác thì Đ đưa tay phải cầm vào chuôi con dao mà T vừa để và bảo với T: *“Mày có về không”* thì T bước ra cửa.

Khi D đang điều khiển xe máy chờ T quay lại Bãi Đá thì gặp L đi bộ xồng. T nói với L xe hết xăng, L bảo điện thoại cũng hết pin nên không thể gọi cho người yêu lấy tiền đi mua xăng được. Nghe vậy, D bảo L và T quay lại phòng trọ của Đ để sạc pin và lấy áo khoác của T, L đồng ý. Đến nơi, D đi vào trước, T đi sau, còn L đứng xem điện thoại của T ở ngoài. Sau khi đổi áo khoác với T, D quay ra gọi L vào sạc điện thoại. L đi vào và đưa cho D chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng hồng để nhờ sạc. D cầm và bảo H: *“Cho tao cắm nhờ điện thoại”* rồi lấy sạc của H để cắm. D cắm sạc xong thì Đ ghé vào tai D nói nhỏ: *“Hay là tao với mày lấy điện thoại của hai thằng này đi cắm đi”*. D trả lời *“Ừ, tùy mày”*. Sau đó Đ hỏi T mượn điện thoại thì T nói L đang cầm điện thoại của T. Thấy L cầm chiếc điện thoại OPPO trên tay, Đ hỏi mượn thì L đưa cho Đ. Sau đó Đ lại hỏi mật khẩu máy và được T cung cấp. Khi đã có mật khẩu máy, Đ lấy lý do đi lấy áo cho D và cầm điện thoại của T đi ra ngoài nhằm mang chiếc điện thoại đi bán lấy tiền tiêu. Tuy nhiên, trên đường đi Đ thay đổi ý định và quay lại phòng trọ và dẫn D vào nhà vệ sinh rồi nói *“Đem điện thoại đi bán, cả hai cùng chịu nhé”*. D trả lời: *“Ừ đi thì đi”*. Sau đó D và Đ cùng đi ra ngoài cửa. Khi đi, sợ T và L nghĩ D và Đ lấy điện thoại mang đi bán nên D nói *“Hai đứa ở nhà nhé, anh với Đ đi lấy đồ”*. Tiếp đó, Đ đưa chiếc điện thoại OPPO cho D rồi lái xe máy của H chờ D đi bán nhưng không bán được do không có mật khẩu Oppo ID để đăng xuất. Đ trở D quay lại phòng trọ và hỏi T mật khẩu Oppo ID. T muốn tự nhập nhưng Đ không đồng ý mà bảo: *“Mày cứ đọc”*, T sợ nên đọc mật khẩu. Đ nhập mật khẩu Oppo ID vào máy xong rồi đăng xuất tài khoản và đưa điện

thoại cho D. D tháo sim và đưa cho T, sau đó tiếp tục rút sạc chiếc điện thoại Iphone 8 Plus ra đưa cho L và bảo L thoát mật khẩu Icloud. L nói không biết do là điện thoại của người yêu nên D lại đưa máy cho Đ. Đ sử dụng cách quên mật khẩu để lấy mã OTP, đổi mật khẩu Icloud rồi tháo sim điện thoại ra đưa cho L xong đưa chiếc điện thoại và bảo mật khẩu cho D. D cất chiếc điện thoại vào túi trong, trước ngực của áo khoác đang mặc và nói “*Bây giờ điện thoại của Đ đang cấm, anh mang điện thoại của hai em đi cấm chuộc điện thoại của Đ về đi bán xong chuộc điện thoại cho hai em*”. L và T không đồng ý. D nói tiếp: “*Bọn anh cấm 10 phút sau thì bọn anh chuộc máy trả cho bọn em mà*”. L và T vẫn không đồng ý nên D dọa: “*Mày có tin tao đánh mày không*”. T nghe vậy sợ hãi liền đồng ý và bảo nếu cấm 10 phút thì cho T với L đi cùng. H thấy vậy liền nói: “*Bỏ con Iphone 8 Plus ở lại, mang con OPPO đi thôi*”. Nghe H bảo thế thì D đưa lại điện thoại Iphone 8 Plus cho L xong D với Đ ra khỏi phòng trọ. Đ lái xe của H đưa D lên khu vực Bãi Đá. Dọc đường lên, thấy T và L đi theo sau nên D bảo với Đ: “*Tí lấy được điện thoại kia (ý là điện thoại Iphone 8 Plus) thì chia đôi*”. Đ đồng ý; đi đến giữa dốc Đ và D dừng lại. D đưa chiếc điện thoại OPPO cho Đ để xuống tìm người mua và nói với Đ: “*Đi về đi, trên này để tao lo*”. Đ cầm điện thoại OPPO D đưa rồi lái xe đi về phòng trọ cất chiếc điện thoại. Lúc này trên đoạn dốc khu vực bãi đá, D bảo L cho mượn điện thoại Iphone 8 Plus. Khi L đưa cho D cầm luôn, khi Đ quay lại thì L đòi điện thoại nhưng D không trả mà dùng tay phải tát T một phát vào mặt bên trái, dùng tay phải đâm hai phát vào mũi và mặt, một phát cùi chỏ vào lưng của L rồi D nói to: “*Mất điện thoại rồi nhé*”. T sợ và nói “*em không lấy điện thoại nữa*”, còn L thì khóc. D nói to: “*Về đi nhé*”. T và L bảo “*vâng*” rồi đi về. Sau đó, D lên xe máy do Đ điều khiển đuổi theo L và T đến chợ trâu thì D dọa: “*Tao cấm chúng mày báo công an, báo thì tao giết chúng mày*”. Sợ bị đánh tiếp nên T và L quay về nhà. Đ và D cũng trở về nhà.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc OPPO, Đ mang bán tại cửa hàng điện thoại Tiến Lệ ở thị trấn B H (nay là xã B H) được 1.200.000 đồng, đã tiêu xài hết. Sau đó, cửa hàng bán lại cho khách lạ 1.850.000 đồng nên không thu hồi được. Còn chiếc Iphone 8 Plus, ngày 15/4/2025, D bán cho cửa hàng điện thoại P T tại thị trấn B H (nay là xã B H) được 1.000.000 đồng và bỏ trốn đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, máy được bán cho một khách lạ giá 1.500.000 đồng nên cũng không thu hồi được.

Đến ngày 15/4/2025, G V T và L L L đã đến Công an xã N H trình báo sự việc.

Kết quả trưng cầu giám định:

- Kết luận giám định số 07/KLGĐĐT-KHHS ngày 23/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai kết luận: Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng và hồ sơ xác định Đ V Đ có độ tuổi là 15 năm 0 tháng đến 15 năm 06 tháng.

- Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng thuộc UBND tỉnh Lào Cai kết luận trị giá tài sản cần định giá thời điểm tháng 4/2025 theo yêu cầu của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lào Cai như sau:

+ 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng hồng, phiên bản quốc tế mã VN/A, bộ nhớ 64BG, tình trạng cũ đã qua sử dụng, không xác định được năm sản xuất và mã số IMEI, điện thoại được mua cũ thời điểm tháng 8/2024 là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) chiếc điện thoại OPPO A2M màu trắng xanh, máy phiên bản quốc tế, RAM 6GB, bộ nhớ 128 GB mua mới và sử dụng từ tháng 5/2024, không xác định được năm sản xuất và số IMEI hay số seri là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Bản kết luận giám định số 181/KL-KTHS ngày 05/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Mẫu cần giám định là mã tấu, là vũ khí thô sơ thuộc Phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” ban hành kèm theo thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ công an.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai truy tố các bị can V V D, Đ V Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo D, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân KHU VỰC X - Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; các Điều 17; 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên. Tuyên phạt bị cáo V V D từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 54; 58 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên. Tuyên phạt bị cáo Đ V Đ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên đều không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Về dân sự: Không đề nghị.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu, tiêu hủy số vật chứng còn lại là 01 (một) bì thư, mặt trước có ghi “chất dịch màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3 trong quá trình khám nghiệm hiện T ngày 16/4/2025”, mặt sau có chữ ký của các T phần tham gia khám nghiệm.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bản ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo D và bị cáo Đ: Các bị cáo D và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai truy tố đối với bị cáo D và bị cáo Đ về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự người bào chữa không có tranh luận gì về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với các bị cáo, tuy nhiên về phần hình phạt không chỉ để trừng trị người phạm tội mà còn có tác dụng giáo dục họ trở T người có ích cho xã hội, sống có ý thức và tuân theo pháp luật để quyết định một mức hình phạt phù hợp, đủ sức răn đe, giáo dục vừa thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, nhất là đối với người phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Ngày 13/4/2025 bị cáo D đã có hành vi dùng vũ lực uy hiếp G V T và L L L buộc L phải đưa cho D số tiền 30.000 đồng; cùng ngày bị cáo Đ V Đ cùng với bị cáo V V D có hành vi đe dọa và dùng vũ lực đánh các bị hại để thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại T 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO và của bị hại L

01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus (cả bị hại T và L chưa đủ 16 tuổi) sau đó bị cáo mang đi bán với tổng số tiền 2.200.000 đồng các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh ra và lớn lên tại thôn nghèo của xã và th suy nghĩ, nông nổi, ham chơi đã phạm tội không ý thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra. Trong quá trình sinh sống tại địa phương đến trước thời điểm phạm tội bị cáo D và Đ luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị cơ quan nhà nước nào xử lý về mặt hành chính. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giải đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, vì vậy khi lượng hình đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định đối với người chưa T niên phạm tội để quyết định mức hình phạt phù hợp, cả bị cáo D và Đ đều T khẩn khai báo ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét. Đối với bị cáo Đ sau khi phạm tội đã cùng gia đình bồi thường cho bị hại L số tiền 8.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại T số tiền 12.000.000, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ, gia đình bị cáo Đ có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo Đ do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đơn xin miễn án phí hình sự nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; các Điều 17; 58.90;91 bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa T niên cho bị cáo V V D được hưởng mức hình phạt 04 năm 03 tháng tù;

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 54; 58; 90; 91 bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa T niên cho bị cáo Đ V Đ được hưởng mức hình phạt 02 năm tù cho bị cáo có cơ hội quay về làm lại cuộc đời, trở T người công dân có ích cho xã hội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung do các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Không đề cập giải quyết về dân sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo V V D.

Ý kiến của bị hại, người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại G V T và L L L: Hành vi phạm tội của bị cáo D và bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu T tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự, hoàn toàn nhất trí với quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực, đe dọa để chiếm đoạt tài sản của các bị hại; riêng bị cáo D đã dùng vũ lực để uy hiếp G V T và L L L (đều là người dưới 16 tuổi) buộc L phải đưa cho D số tiền 30.000 đồng; chiều cùng ngày bị cáo Đ và bị cáo D đã cùng nhau sử dụng vũ lực, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt thêm 01 chiếc điện thoại OPPO của bị hại T trị giá 2.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng hồng của bị hại L trị giá 1.600.000 đồng, các bị cáo thống nhất sau khi bán được sẽ chia đôi mỗi người một nửa. Đối với bị cáo D đã hai lần chiếm đoạt tài sản

gồm 30.000 đồng và cùng bị cáo Đ chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại có giá trị 3.600.000 đồng, tổng hai lần chiếm đoạt là 3.630.000 đồng, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi; bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cướp 3.600.000 đồng, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Đây là vụ án có tình đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng, đồng thời là người thực hành nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo D là người giúp sức, thực hành nên giữ vai trò đồng phạm. Các bị cáo có hành vi ngang ngược, thái độ hung hăng, coi thường pháp luật, bị cáo D dùng tay tát vào mặt L 03 phát làm L chảy máu mũi và tát T 01 phát vào mặt.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo Đ V Đ và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại L L L số tiền 8.000.000 đồng và cho bị hại G V T số tiền 12.000.000 đồng, các bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến phần dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; các Điều 17; 58; 91; 98 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên cho bị cáo V V D được hưởng mức án 05 (năm) năm tù; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 54; 58; 91; 98 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên cho bị cáo Đ V Đ được hưởng mức án 02 năm tù

Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo D, Đ không có ý kiến gì.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với hành vi của T V T đã dùng 01 con dao (được giám định là mã tấu - vũ khí thô sơ) để dọa nạt nhân khi đến đòi áo, cũng không có sự bàn bạc, thống nhất với Đ và D, T chỉ biết việc sau khi sự việc kết thúc và không nhận bất kỳ tài sản nào từ vụ cướp. Do đó không đủ căn cứ để xử lý về tội Cướp tài sản. Hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí thô sơ (mã tấu) của T là vi phạm hành chính. Hồ sơ đã được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử phạt.

Đối với L V H không tham gia bàn bạc hoặc thực hiện hành vi cướp, và chỉ biết chuyện sau khi vụ cướp đã xảy ra, việc đi cùng để bán điện thoại do H sợ Đ lấy xe máy của mình đi luôn và muốn bán sặc dự phòng, bản thân H không trực tiếp bán điện thoại, cũng không được chia tiền. H và T chưa kịp tố giác, nên cũng không đủ yếu tố để xử lý về tội này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện của bị cáo và của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo V V D và Đ V Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa và biên bản, sơ đồ, bản ảnh hiện T, ý kiến của người bào chữa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại, lời khai của người làm chứng, của bị hại, đại diện của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo V V D và Đ V Đ là người chưa T niên nhưng có nhận thức và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện.

Đối với bị cáo V V D một mình có hành vi sử dụng vũ lực đối với bị hại G V T và bị hại L L L để chiếm đoạt của L L L sinh năm 2010 là người dưới 16 tuổi số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo V V D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương đủ yếu tố cấu T tội “Cướp tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra các bị cáo Đ V Đ và V V D đã sử dụng vũ lực để chiếm đoạt 01 (một) chiếc điện thoại OPPO A2M màu trắng xanh trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của G V T sinh năm 2010 và 01 (một) điện thoại iPhone 8 Plus màu vàng hồng trị giá 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) của L L L sinh năm 2010, hành vi phạm tội của các bị cáo sau khi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực và khi D cầm sạc điện thoại xong thì Đ ghé vào tai D nói nhỏ: *“Hay là tao với mày lấy điện thoại của hai thằng này đi cầm đi”* Đ dẫn D vào nhà vệ sinh rồi nói *“Đem điện thoại đi bán, cả hai cùng chịu nhé”*. D trả lời: *“Ừ đi thì đi”*, Đ bảo: *“Mày cứ đọc”* mật khẩu, T sợ nên đọc mật khẩu. Đ nhập mật khẩu Oppo ID vào máy xong rồi đăng xuất tài khoản và đưa điện thoại cho D. D tháo sim và đưa cho T, sau đó tiếp tục rút sạc chiếc điện thoại Iphone 8 Plus ra đưa cho L và bảo L thoát mật khẩu Icloud. L nói không biết do là điện thoại của người yêu nên D lại đưa máy cho Đ. Đ sử dụng cách quên mật khẩu để lấy mã OTP, đổi mật khẩu Icloud rồi tháo sim điện thoại ra đưa cho L xong đưa chiếc điện thoại và báo mật khẩu cho D, khi đi lên Bãi Đá, thấy bị hại T và L đi theo sau nên D bảo với Đ: *“Tí lấy được điện thoại kia (ý là điện thoại Iphone 8 Plus) thì chia đôi”*. Đ đồng ý; sau khi chiếm đoạt được hai chiếc điện thoại D lên xe máy do Đ điều khiển đuổi theo bị hại L và T đến chợ trâu thì D dọa: *“Tao cấm chúng mày báo công an, báo thì tao giết chúng mày”*... các bị hại đều là người dưới 16 tuổi nên hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu T tội phạm “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể nên là đồng phạm giải đơn, trong đó bị cáo Đ là người khởi xướng, giữ vai trò chính đồng thời là người thực hành tích cực, bị cáo V V D là người giúp sức đồng thời là người thực hành.

Như vậy đối với bị cáo D đã hai lần cướp tài sản gồm 30.000 đồng tiền mặt và cùng bị cáo Đ chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại có giá trị 3.600.000 đồng đều của bị hại T và L là người dưới 16 tuổi. Tổng trị giá hai lần bị cáo D cướp giật tài sản trị giá T tiền là 3.630.000 đồng; bị cáo Đ cùng bị cáo D cướp giật tài sản của bị hại T và L 02 chiếc điện thoại tổng trị giá 3.600.000 đồng.

Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản của người khác vì muốn có tiền

tiêu sai cá nhân, bất chấp quy định của pháp luật ngày 13/4/2025 đã thực hiện hành vi Cướp tài sản.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân KHU VỰC X - Lào Cai truy tố đối với các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” với tình tiết định khung đối với người dưới 16 tuổi được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây hoang mang cho quần chúng nhân dân mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể, bị cáo Đ là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực vì vậy bị cáo Đ giữ vai trò chính trong vụ án.

Qua xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

+ Đối với bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 18 ngày, suy nghĩ còn nông nổi, ham chơi, bỏ học, sống lêu lổng, coi thường pháp luật nhưng chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở T công dân có ích cho xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 179 quy định áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội kể từ ngày Luật tư pháp người chưa T niên được công bố và áp dụng khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa T niên quy định nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật hình sự quy định; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử lý hành chính nhưng phải chi 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 BLHS và có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 54 BLHS là T khẩn khai báo, ăn lăn hối cải nên được Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

+ Đối với bị cáo Đ V Đ là người khởi xướng, giữ vai trò chính đồng thời là người thực hành tích cực trong lần cướp 02 chiếc điện thoại. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử lý hành chính, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “T khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của BLHS, ngoài ra bị cáo có cụ nội là bà L T C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 13/4/2025) bị cáo mới 15 tuổi 05 tháng 05 ngày nên cần áp dụng khoản 2 Điều 179 quy định áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội kể từ ngày Luật tư pháp người chưa T niên được công bố và áp dụng khoản 3 Điều 119 của luật quy định là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật hình sự quy định; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 54; Điều 17; 58 của Bộ luật hình sự, do bị cáo là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực trong vụ án đồng phạm, xác minh tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp -

Giáo dục thường xuyên B H bị cáo Đ thường xuyên tự ý bỏ học không có lý do, xác minh tại Công an xã Nậm Đét (Nay là xã B N) Đ V Đ thường xuyên vắng mặt khỏi địa phương, không rõ đi đâu, làm gì nên cần cho bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian nhằm dẫn dắt, giáo dục, cải tạo và làm gương cho những kẻ coi thường pháp luật, ra một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi tham gia tội phạm của bị cáo.

[3] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đ đã tác động đến gia đình và bồi thường cho bị hại L L L số tiền 8.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại G V T số tiền 12.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại và người đại diện của bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm, ngoài ra có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng; Các chủ sở hữu vật chứng, phương tiên đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì. Các tài sản trên được trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định (các BL 370-372; 368; 369), Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các vật chứng khác gồm:

+ 01 (một) con dao (dạng mã tấu) có tổng chiều dài 55,8cm, phần chuôi bằng gỗ, màu đen, hình trụ tròn dài 19,8cm, đường kính 03 cm, hai đầu bọc đai kim loại màu vàng; phần lưỡi loại mũi nhọn, một lưỡi sắc bằng kim loại dài 36cm, chỗ rộng nhất của lưỡi là 4,6cm, sóng dày 02mm có nhiều khuy lỗ và vết cắt hình răng cưa, có tay chần bằng kim loại, màu trắng, kích thước 6x2 cm. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi cướp tài sản của các bị cáo, nhưng có liên quan đến hành vi tàng trữ và sử dụng vũ khí thô sơ của T, Cơ quan điều tra đã chuyển cho Phòng cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an tỉnh Lào Cai để tiến hành tiêu hủy theo quy định là phù hợp.

+ 01 (một) bì thư, mặt trước có ghi “chất dịch màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3 trong quá trình khám nghiệm hiện T ngày 16/4/2025”, mặt sau có chữ ký của các T phần tham gia khám nghiệm cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo V V D về mức hình phạt 04 năm 03 tháng tù là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đồng phạm còn đối với mức đề nghị về hình phạt cho bị cáo Đ là phù hợp; các đề nghị khác được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị cáo Đ V Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo V V D thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38; các Điều 58; 90; 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo V V D.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; 90; 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 19; khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa T niên; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đ V Đ.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo V V D, Đ V Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo V V D 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 16/5/2025.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về việc xử lý vật chứng; Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bì thư, mặt trước có ghi “chất dịch màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3 trong quá trình khám nghiệm hiện T ngày 16/4/2025”, mặt sau có chữ ký của các T phần tham gia khám nghiệm (Vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự KHU VỰC X - Lào Cai) theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra an ninh tỉnh Lào Cai với Phòng thi hành án dân sự KHU VỰC X - Lào Cai ngày 04 tháng 9 năm 2025.

4. Về án phí: Bị cáo Đ V Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm; bị cáo V V D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bị hại, người đại diện của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PC 81 Công an tỉnh;
- VKSND KV 9 – Lào Cai;
- Phòng THA DS KV 9 - Lào Cai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

- CQTHA HS Công an;
- Bị cáo (02), Người bc (01);
- Bị hại (02);
- Ncql,nvlq;
- Lưu: HS, THS, THAHS.

Trần Bình Trọng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện S M C;
- Sở tư pháp tỉnh;
- CCTHA Dân sự huyện S M C;
- CQTHA Hình sự CA huyện Si Na Cai (4);
- Nhà tạm giữ CA huyện S M C (4);
- Bị cáo (4);
- Bị hại; nđd theo ủy quyền của nbh (2);
- Người bào chữa;
- Đương sự (4);
- UBND xã Nàn Sán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bình Trọng

- Luru: HS, THS, THAHS.

